

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2023/HC-PT

Ngày 14/4/2023

V/v: “Khiếu kiện quyết định, hành vi hành
chính về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái
định cư và giải quyết khiếu nại”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 942/2022/TLPT-HC ngày 27 tháng 12 năm 2022, về việc: “*Khiếu kiện quyết định, hành vi hành chính về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2022/HC-ST ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 234/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Hàng Ngọc P, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số 18/1 khu vực 8, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà P:

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1990 (có mặt).

Bà Hồ Thị Diễm T, sinh năm 1994 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 194, đường T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ - Giấy ủy quyền ngày 22/3/2021

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện: Ông Huỳnh Trung Trứ - Chức vụ: Chủ tịch (có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 215 đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1971 – Phó phòng Tài nguyên và Môi trường quận N. Địa chỉ: Số 237 đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Ông Lê Hoàng Đ1, sinh năm 1969 – Phó giám đốc ban quản lý dự án. Địa chỉ: Số 87 đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người kháng cáo: Bà Hàng Ngọc P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, cũng như bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện của người khởi kiện trình bày và được tóm tắt như sau:

Bà Hàng Ngọc P là chủ sử dụng đối với phần đất diện tích 252,2 m² tại khu vực 8, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Thực hiện dự án Bờ kè sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ thuộc phường A, quận N; ngày 15/01/2018, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 385/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ phần đất nêu trên của bà P. Qua quá trình làm việc với cơ quan chức năng bà P có yêu cầu xem xét được bồi thường đối với phần đất chênh lệch là 154,2m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được xác định là đất sử dụng ổn định, không tranh chấp, không có nguồn gốc lấn chiếm của bất kỳ ai và đề nghị xem xét vấn đề tái định cư.

Đến ngày 24/06/2019 bà P nhận được Thông báo số 129/TB-HĐBT của Hội đồng bồi thường và tái định cư về việc kiểm tra kết quả áp giá tạm tính về đất, nhà, vật kiến trúc, hoa màu Dự án Bờ kè sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ thuộc phường A, quận N theo thông báo đối với phần đất chênh lệch là 154,2m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P không được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ với giá trị là 60% và không đề cập đến vấn đề tái định cư đối với gia đình bà P. Do không đồng ý với nội dung bồi thường và tái định cư, bà P đã làm đơn khiếu nại nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N vẫn chưa giải quyết đối với nội dung của bà P. Sau đó, bà P khởi kiện yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N thực hiện giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật và được giải quyết bằng bản án hành chính sơ thẩm số 11/2020/HC-ST ngày 08/07/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ có hiệu lực pháp luật.

Thực hiện theo bản án nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N đã ban hành Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 về việc giải quyết khiếu nại của bà Hàng Ngọc P. Tuy nhiên, các quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải quyết khiếu nại không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà P.

Bà P đưa ra căn cứ là: Về việc xác định mục đích sử dụng đất đối với diện tích 154,20m²: Phần đất bà Hàng Ngọc P sử dụng thực tế theo khảo sát của UBND quận N trong quá trình thu hồi đất được xác định là: 252,2 m². Trong đó, bao gồm: 98 m² đất CLN đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số: 01758 vào ngày 08/02/1996; 154,2 m² đất được sử dụng ổn định không tranh chấp và chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Đối với phần đất nằm ngoài Giấy chứng nhận QSDĐ bà P đã lập tờ tường trình nguồn gốc đất và được Trưởng khu vực 7, địa chính phụ trách và UBND phường A xác nhận vào ngày 27/06/2018 là “*đất không tranh chấp, không thuộc trường hợp lấn chiếm và sử dụng ổn định từ năm 1987; Và trên phần đất có căn nhà lầu ván, cột bê tông, vách tường, nền gạch men, có cừ tràm xây dựng vào năm 1991*”.

Mặc dù, phần đất được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ thể hiện là 98 m²; mục đích là đất trồng cây lâu năm nhưng gia đình bà P vẫn nộp thuế sử dụng với mục đích là đất ở từ năm 1987 cho đến nay (diện tích chịu thuế là: 198 m² gồm: 100m² đất đã chuyển mục đích sau đó của thửa đất không liên quan và 98 m² đất tại vị trí thu hồi).

Việc UBND quận N đồng ý bồi thường 100% (trước đây hỗ trợ 60%) theo giá trị đất trồng cây lâu năm trong quyết định giải quyết khiếu nại với phần diện tích: 154,2 m² là không đúng với các quy định tại khoản 2, 3 Điều 12; Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Yêu cầu bố trí tái định cư: Tại thời điểm thu hồi đất năm 2019 thì gia đình bà P bị giải toả trống nhà và đất thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở và tại thời điểm thu hồi đất ngoài căn nhà đang bị giải toả thì bà P không còn nhà ở nào khác trên địa bàn. Nên căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 83 và Điều 86 Luật đất đai năm 2013 thì trường hợp của bà P phải được tái định cư theo quy định.

Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết khiếu nại của bà Hàng Ngọc P;

- Hủy Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND quận N về việc thu hồi đất của bà Hàng Ngọc P, ngụ tại số 18/1 khu vực 8, phường A, quận N bị ảnh hưởng dự án Kè bờ sông Cần Thơ – Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ thuộc phường A, quận N;

- Hủy một phần Quyết định số 3429/QĐ-UBND ngày 01/07/2019 của UBND quận N, thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung (đợt 1 – 34 hộ) về đất, nhà, vật kiến trúc và hoa màu dự án Kè bờ sông Cần Thơ – Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ thuộc phường A, quận N liên quan đến phần giá trị bồi thường;

- Buộc Ủy ban nhân dân quận N bồi thường phần đất diện tích 154,2 m² nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích là đất ở;

- Buộc Ủy ban nhân dân quận N thực hiện tái định cư cho gia đình bà Hàng Ngọc P.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N có ý kiến được tóm tắt như sau:

Trường hợp bà Hàng Ngọc P sử dụng phần đất với diện tích 154,2m² ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vị trí cạnh thửa đất số 169 trên Giấy chứng nhận số 01758.QSĐĐ do UBND thành phố Cần Thơ cấp ngày 08 tháng 02 năm 1996, nằm trên sông Cần Thơ, nên không đủ điều kiện bồi thường về đất.

Phần nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường, chỉ được hỗ trợ 60% theo giá đất ở và phần đất không có nhà ở được hỗ trợ 60% theo giá đất trồng cây lâu năm quy định tại *Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2018 của UBND thành phố Cần Thơ về phê duyệt phương án chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu*.

Về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Hàng Ngọc P: Ngày 10 tháng 3 năm 2022, Hội đồng bồi thường dự án có Biên bản số 29/BB-HĐBT về việc họp Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ, phường A, trong đó trường hợp bà Hàng Ngọc P sử dụng phần đất không đủ điều kiện bồi thường có nhà trên đất được hỗ trợ 60% giá đất ở theo Khung chính sách.

Theo đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường có văn bản đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai quận N và Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ về việc trích lục và cung cấp toàn bộ hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01758.QSĐĐ do UBND thành phố Cần Thơ cấp ngày 08 tháng 02 năm 1996 cho bà Hàng Ngọc P, kết quả: Không có hồ sơ cấp Giấy chứng nhận theo Công văn số 58/TTCNTT ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và Môi trường thành phố và Công văn số 261/CN.VPĐKĐĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai quận. Ngày 05 tháng 5 năm 2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận N phối hợp Thanh tra quận, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai quận. Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận, UBND phường A và Trưởng khu vực 8 phường A có Biên bản số 685/BB-PTNMT về việc rà soát cơ sở pháp lý, xác định phần đất ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đủ điều kiện bồi thường cho bà Hàng Ngọc P, với nội dung:

Căn cứ Bản đồ 299 năm 1985 có thể hiện hiện trạng sử dụng thửa đất số 169. Đến năm 1996, bà Hàng Ngọc P được cấp Giấy chứng nhận số 01758.QSĐĐ, trong đó thửa đất số 169 với diện tích 98 m² đúng hiện trạng Bản đồ 299, nhưng tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận bà P không khiếu nại việc cấp giấy. *Phần đất ngoài Giấy chứng nhận diện tích 154,2 m² so với hiện trạng sử dụng trên Bản đồ 299 là trên sông Cần Thơ do lấn chiếm sử dụng mà có.*

Căn cứ Luật Đất đai, cơ sở bồi thường phải căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp sử dụng đất của bà P diện tích 154,2 m² không

đủ điều kiện bồi thường do lấn chiếm theo quy định tại *Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì không được bồi thường về đất.*

- Quá trình, thời điểm sử dụng đất của bà Hàng Ngọc P khoảng năm 1987, đến năm 1991, bà P có cất nhà là đúng theo Tờ tường trình ngày 27 tháng 6 năm 2018 về nguồn gốc sử dụng đất và thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc được UBND phường A xác nhận ngày 11 tháng 8 năm 2018. *Còn việc bà P có lấn chiếm sông thì địa phương không nắm.*

- Thống nhất đối với phần đất 98,0 m² trong Giấy chứng nhận được bồi thường đất trồng cây lâu năm; đối với phần đất ngoài Giấy chứng nhận với diện tích 154,2 m² không đủ điều kiện bồi thường căn cứ theo Bản đồ 299 năm 1985, Giấy chứng nhận được cấp số 01758.QSDĐ ngày 08 tháng 02 năm 1996 và quy định Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, *nhưng được hỗ trợ 60% theo hiện trạng sử dụng đất theo quy định tại Khung Chính sách.*

Căn cứ khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai quy định điều kiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là phải có Giấy chứng nhận hoặc đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Khoản 4 Điều 12 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định đối với phần đất nhiều hơn diện tích đất ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất mà diện tích nhiều hơn là do hành vi lấn, chiếm mà có thì không được bồi thường về đất.

Theo đó, bà Hàng Ngọc P bị thu hồi với diện tích là 252,2m², trong đó: Phần đất diện tích 98,0m² đất trồng cây lâu năm trong Giấy chứng nhận nên đủ điều kiện bồi thường, đối với phần đất ngoài Giấy chứng nhận với diện tích 154,2m² không đủ điều kiện bồi thường căn cứ theo Bản đồ 299 năm 1985, Giấy chứng nhận được cấp số 01758.QSDĐ ngày 08 tháng 02 năm 1996 và Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, nhưng được hỗ trợ 60% theo hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Từ cơ sở trên cho thấy: Trường hợp của bà Hàng Ngọc P sử dụng phần đất với diện tích 154,2m² ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đủ điều kiện bồi thường, căn cứ vào hiện trạng sử dụng theo Bản đồ 299 năm 1985, Giấy chứng nhận được cấp số 01758.QSDĐ ngày 08 tháng 02 năm 1996 và quy định khoản 4 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

UBND quận N ban hành Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc thu hồi đất của bà Hàng Ngọc P với diện tích đo đạc thực tế 252,2m² (bao gồm 154,2 m² loại đất CLN chưa được cấp Giấy chứng nhận) và Quyết định số 3429/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc phê duyệt số tiền hỗ trợ phần đất ngoài giấy chứng nhận 240.552.000 đồng là đúng quy định.

Về tái định cư của bà Hàng Ngọc P, hiện nay Hội đồng bồi thường dự án đang xem xét, chưa có kết quả, nên chưa có đối tượng để thực hiện việc khiếu nại. Do đó, Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định số 589/QĐ-UBND

ngày 01 tháng 02 năm 2021, về việc giải quyết khiếu nại của bà Hàng Ngọc P (do bà Hồ Thị Diễm Thủy đại diện theo ủy quyền) lần đầu là đúng quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2022/HC-ST ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Điểm b khoản 3 Điều 62, Điều 63, Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất quy định.

Căn cứ Điểm đ khoản 1 điều 12; khoản 2, điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Ngọc P:

2.1. Bác yêu cầu của bà Hàng Ngọc P về việc yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết khiếu nại của bà Hàng Ngọc P;
- Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND quận N về việc thu hồi đất của bà Hàng Ngọc P.

2.2. Hủy một phần Quyết định số 3429/QĐ-UBND ngày 01/07/2019 của UBND quận N, thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung (đợt 1 – 34 hộ) về đất, nhà, vật kiến trúc và hoa màu dự án Kè bờ sông Cần Thơ – Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ (phần liên quan đến bà Hàng Ngọc P).

2.3. Không giải quyết các yêu cầu của bà Hàng Ngọc P về việc:

- Buộc Ủy ban nhân dân quận N bồi thường phần đất diện tích 154,2m² nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích là đất ở;
- Buộc Ủy ban nhân dân quận N thực hiện tái định cư cho gia đình bà Hàng Ngọc P.

Dành quyền khiếu nại hoặc khởi kiện cho người khởi kiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại và Luật tổ tụng hành chính khi có quyết định giải quyết cụ thể về hai vấn đề này.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/6/2022 bà Hàng Ngọc P kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà P đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và khoản 1 Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP hủy các quyết định trên, buộc UBND

quận N bồi thường 154,2m² đất ở cho bà P; phần tái định cư không yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng quy định của pháp luật; sau khi Tòa sơ thẩm xét xử, Hội đồng đền bù đã làm Tờ trình đề hỗ trợ cho bà P 60% đất ở có nhà và 60% đất trồng cây lâu năm là phù hợp; đề nghị bác đơn kháng cáo, giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo của bà Hàng Ngọc P, UBND quận N ban hành Quyết định số 385, Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định số 589/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà P, đúng thẩm quyền và đúng pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm hủy một phần Quyết định số 3429/QĐ-UBND ngày 01/07/2019 của UBND quận N, thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung (đợt 1 – 34 hộ) về đất, nhà, vật kiến trúc và hoa màu dự án Kè bờ sông Cần Thơ – Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ (phần liên quan đến bà Hàng Ngọc P) là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật đất đai năm 2013, bác đơn kháng cáo của bà P, giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

Đơn kháng cáo của bà Hàng Ngọc P đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Căn cứ đơn khởi kiện của bà P, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về việc: “*Khiếu kiện quyết định, hành vi hành chính về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải quyết khiếu nại*”; thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, được quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Xét đơn kháng cáo của bà P:

[2.1]. Theo Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND quận N đã thu hồi của bà P diện tích 252,2m² đất, trong đó có 98,0m² loại đất trồng cây lâu năm (CLN), tại thửa 169, tờ bản đồ số 14, được UBND Thành phố Cần Thơ cấp giấy ngày 08/02/1996 và 154,2m² loại đất trồng cây lâu năm, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thửa 18, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại khu vực 8, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ (BL: 17, 18).

[2.2]. UBND quận N ban hành Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 về việc thu hồi của bà P diện tích 252,2m² đất, mục đích nhằm thực hiện Dự án bờ kè sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu; do đó, đây là Dự án của Nhà nước, bà P kháng cáo yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất trên là không có cơ sở.

[2.3]. Theo Biên bản đo đạc, kiểm định nhà, công trình, vật kiến trúc, cây trồng lập ngày 27/6/2018 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án kè bờ sông Cần Thơ, trên diện tích đất 154,2m² của bà P bị thu hồi, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có nhà, công trình kiến trúc và cây trồng trên đất (BL: 80 đến 83). Theo Bản tường trình nguồn gốc sử dụng đất và thời điểm xây nhà, bà P sử dụng đất từ năm 1987, đến năm 1991 xây nhà, kiến trúc trên đất, ở ổn định và không có tranh chấp, được Trưởng khu vực 8 và UBND phường A xác nhận (BL: 79).

[2.4]. Đối với diện tích 98,0m² loại đất trồng cây lâu năm (CLN), tại thửa 169, tờ bản đồ số 14, được UBND Thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/02/1996; UBND quận N thu hồi để làm Dự án kè bờ sông Cần Thơ và bồi thường 100% trị giá loại đất (CLN), bà P được bồi thường xong và không khiếu nại. Diện tích còn lại 154,2m² có nhà và cây trồng lâu năm, UBND quận N cho rằng chưa đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chỉ được hỗ trợ 60% trị giá diện tích 154,2m² loại đất (CLN) là 240.552.000 đồng (154,2m² CLN x 2.600.000đ/m²) theo Quyết định 3429/QĐ-UBND, bà P không đồng ý nên khiếu nại.

[2.5]. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 589/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch UBND quận N cũng xác nhận: Diện tích 154,2m² theo Bản đồ địa chính số 364 năm 1998 và Tờ trình về nguồn gốc nhà đất của bà P được UBND phường A xác nhận ngày 27/6/2018, thì bà P đã sử dụng ổn định từ năm 1987 đến nay, không có tranh chấp nên có cơ sở để bà P được xem xét tính hỗ trợ 100% giá trị bồi thường đất trồng cây lâu năm. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 1 phần quyết định lại ghi: *“Chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của bà Hàng Ngọc P đối với phần diện tích ngoài Giấy chứng nhận 154,2m², bị ảnh hưởng Dự án bờ kè sông Cần Thơ. Giao ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận N (Hội đồng bồi thường dự án) kiểm tra, xác minh và trình UBND quận xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật”* (BL: 24). Như vậy trong quyết định giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND quận N vừa xác nhận: “Bà P có cơ sở được xem xét tính hỗ trợ 100% giá trị bồi thường đất trồng cây lâu năm”, nhưng tại phần quyết định lại ghi: “...trình UBND quận xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật” là không phù hợp với quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Diện tích 154,2m² bà P sử dụng ổn định, không có tranh chấp, nhưng cũng không phải khai hoang hoặc nhận chuyển nhượng trước đó nên việc bà P lấn sông là thực tế hơn, là chưa có cơ sở. Bởi lẽ, bà P được UBND phường xác nhận sử dụng đất diện tích 154,2m² tại thửa 18, tờ bản đồ số 05, từ năm 1987 đến năm 1991, xây dựng nhà và trồng cây lâu năm trên đất, không bị xử phạt hành chính, không buộc tháo dỡ nhà và công trình trên đất nên không thuộc trường hợp sử dụng đất được quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Mặc dù đất của bà P bị thu hồi chưa được cấp Giấy chứng nhận nhưng thực tế sử dụng ổn định, xây nhà ở và trồng cây lâu năm cho đến ngày thu hồi đất nên bồi thường cho bà P 100% đất ở có nhà và 100% đất trồng cây lâu năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 20, Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 6 Nghị định

47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013.

[2.6]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Hàng Ngọc P rút một phần đơn kháng cáo đối với yêu cầu xem xét, giải quyết tái định cư khi thu hồi đất. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 233 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, chấp nhận yêu cầu rút một phần kháng cáo.

[3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; lời trình bày của người đại diện cho bà P phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà P, sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết bồi thường diện tích 154,2m² cho bà P đúng quy định của pháp luật. Bà P không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

I. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Hàng Ngọc P; Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2022/HC-ST ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348, khoản 4 Điều 233 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 62, Điều 63, Điều 74, khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013. Khoản 1 Điều 20, Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 6, Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Ngọc P:

- Hủy một phần Quyết định số 3429/QĐ-UBND ngày 01/07/2019 của Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung (đợt 1 – 34 hộ) về đất, nhà, vật kiến trúc và hoa màu dự án Kè bờ sông Cần Thơ – Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ (phần liên quan đến bà Hàng Ngọc P); đối với diện tích 154,2m² tại thửa 18, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại khu vực 8, phường A, quận N.

- Hủy Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ về việc giải quyết khiếu nại của bà Hàng Ngọc P;

2. Bác yêu cầu của bà Hàng Ngọc P về việc yêu cầu hủy Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ, về việc thu hồi đất của bà Hàng Ngọc P.

3. Dành quyền khiếu nại hoặc khởi kiện cho bà Hàng Ngọc P theo quy định của pháp luật về khiếu nại và Luật tố tụng hành chính khi có quyết định trả lời, giải quyết tái định cư cho gia đình bà Hàng Ngọc P.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân quận N phải nộp 300.000 đồng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N phải nộp 300.000 đồng.

II. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Hàng Ngọc P không phải chịu.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VP(6), HS(1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý